TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH** Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST Ngày: 02-02-2026 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái; Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3- Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 161/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc:"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐ-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T sinh ngày 10/8/1983; Số CCCD: 01183038552; Địa chỉ: Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Đặng Hữu Đ, sinh ngày 19/02/1982; số CCCD: 037082006977; Địa chỉ: xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và anh Đặng Hữu Đ kết hôn năm 2010, có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, tỉnh Hòa Bình nay là xã K, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới chúng tôi sinh sống cùng bố mẹ anh Đ tại xã G, tỉnh Ninh Bình. Chúng tôi sống hạnh phúc được khoảng thời gian khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm. Hiện nay tôi và anh Đ đã ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi xét thấy không còn tình cảm với anh Đ, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Tôi và anh Đ có 02 con chung là các cháu Đặng Kim N sinh ngày 05/10/2011, cháu Đặng Trọng Hiếu S ngày 02/9/2016, hiện cả hai cháu đang

ở với tôi. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi xin tiếp tục nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đặng Hữu Đ: Mặc dù được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các giấy báo của Tòa án, tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án làm việc cũng không có ý kiến gửi về cho Tòa án.

Ý kiến của cháu Đặng Kim N và Đặng Trọng H: Các cháu xin được tiếp tục ở với mẹ để ổn định cuộc sống và được chăm sóc chu đáo hơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên do anh Đ không đến tham gia các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện và bản tự khai là xin ly hôn với anh Đặng Hữu Đ, về con chung: Chị T xin tiếp tục nuôi cả hai cháu Đặng Kim N và Đặng Trọng H và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm

2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 5, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTCQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về án phí.

Đề nghị xử:

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Hữu Đ.

2.Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Đặng Kim N sinh ngày 05/10/2011, cháu Đặng Trọng Hiếu S ngày 02/9/2016, hiện đang ở với chị T cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được cuộc sống.

Anh Đặng Hữu Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu 2000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo bản án thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Ninh Bình. Anh Đặng Hữu Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Đ là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là các cháu Đặng Kim N sinh ngày 05/10/2011, cháu Đặng Trọng Hiếu S ngày 02/9/2016, hiện đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T khỏe mạnh, có thu nhập, các cháu đang ở ổn định với chị T, mặt khác các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Vì vậy việc tiếp tục giao cháu N và cháu H cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định cũng như quyền và lợi ích cho các cháu và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy anh Đ là công nhân có thu nhập, vì vậy cần buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu là 2000.000đ/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với khả năng kinh tế của anh Đ.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Hữu Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Đặng Hữu Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Đặng Kim N sinh ngày 05/10/2011, Đặng Trọng Hiếu sinh ngày 02/9/2016, hiện đang ở với chị T, cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Đặng Hữu Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu 2000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo bản án thì hàng tháng anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003030 ngày 20/11/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình.

3.2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận: *- Các đương sự;* *- TAND tỉnh Ninh Bình;* *- VKSND Khu vực 3- Ninh Bình;* *- Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình;* *- UBND xã Kim Lập, tỉnh Phú Thọ;* *- Lưu hồ sơ vụ án.*	**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** (đã ký) Nguyễn Thị Hương Quỳnh